BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 101/2015/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2015*

THÔNG TƯ

Bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin (CNTT) trọng điểm thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng bằng sắt hoặc thép thuộc mã hàng 7326.90.99 và sửa đổi, bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng bằng sắt hoặc thép thuộc mã hàng 7326.90.99 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng sắt hoặc thép thuộc mã hàng 7326.90.99 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế như sau:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
73.26	**Các sản phẩm khác bằng sắt hoặc thép**	
	- - Loại khác:	
7326.90.91	- - - Hộp đựng thuốc lá điếu	15
7326.90.99	***- - - Loại khác***	***10***

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Mục I - Chú giải và điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin (CNTT) trọng điểm thuộc Chương 98

1. Bổ sung khoản b.8 vào điểm 3 Mục I về điều kiện và thủ tục nhập khẩu để được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng của mã hàng 9834.12.90 ghi tại Chương 98 như sau:

"b.8. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 9834.12.90

b.8.1) Điều kiện áp dụng:

- Hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm (thuộc mã hàng tương ứng 7326.90.99 tại 97 chương).

- Do các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm nhập khẩu.

b.8.2) Thủ tục nhập khẩu:

b.8.2.1 - Trách nhiệm của người khai hải quan:

Doanh nghiệp phải đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc mã hàng 9834.12.90 với cơ quan hải quan với số lượng nhập khẩu hàng năm phù hợp với quy mô công suất/nhu cầu sử dụng để sản xuất, lắp ráp hàng năm của nhà máy.

Người khai hải quan phải thực hiện đăng ký Danh mục các nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc mã hàng 9834.12.90 (Danh mục) với Chi cục hải quan nơi thuận tiện nhất trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên thuộc Danh mục. Hồ sơ đề nghị cơ quan hải quan nơi cấp Danh mục gồm:

- Xác nhận của Bộ Thông tin truyền thông đối với Danh mục hàng hóa;

- Công văn đề nghị cấp danh mục;

- Danh mục hàng hóa và Phiếu theo dõi trừ lùi.

Trường hợp Danh mục đã đăng ký nhưng cần sửa, bổ sung thì người khai hải quan được sửa đổi, bổ sung với điều kiện phải có giấy tờ, tài liệu nộp cho cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục trước thời điểm nhập khẩu hàng hóa lần đầu hoặc

trước thời điểm nhập khẩu cho lô hàng tiếp theo có sửa đổi, bổ sung Danh mục để chứng minh việc sửa đổi, bổ sung là phù hợp. Hồ sơ đề nghị cơ quan hải quan nơi cấp Danh mục sửa đổi, bổ sung gồm:

- Công văn đề nghị cấp Danh mục thay đổi, bổ sung;

- Danh mục hàng hóa và Phiếu theo dõi trừ lùi thay đổi, bổ sung.

- Danh mục hàng hóa và Phiếu theo dõi trừ lùi thay đổi, bổ sung.

Trường hợp mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi thì người khai hải quan có hồ sơ đề nghị cơ quan nơi cấp Danh mục lần đầu đề nghị cấp lại, bao gồm:

- Công văn đề nghị cấp lại Danh mục trong đó nêu rõ: lý do mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi; Tên, lượng, trị giá hàng hóa theo Danh mục; Tên, lượng, trị giá hàng hóa thực tế đã nhập khẩu theo Danh mục; Tên, lượng, trị giá hàng hóa còn lại chưa nhập khẩu theo Danh mục;

- Toàn bộ tờ khai hải quan của số lượng hàng hóa đã nhập khẩu theo Danh mục;

- Bản Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi của cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng cuối cùng trước khi thất lạc (01 bản chụp có xác nhận của cơ quan hải quan nơi nhập khẩu).

Người khai hải quan phải cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của những khai báo trên.

Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan nơi cấp Danh mục các hồ sơ sau:

- Hồ sơ hải quan theo quy định hiện hành;

- Công văn đề nghị áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng theo Chương 98 của doanh nghiệp sử dụng Danh mục nhập khẩu; trong đó nêu rõ loại nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ, trị giá, tờ khai hàng hóa nhập khẩu; trường hợp có nhiều loại nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ thuộc nhiều tờ khai hàng hóa nhập khẩu thì phải liệt kê các loại hàng hóa, các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đề nghị áp dụng mức thuế nhập khẩu ưu đãi riêng theo Chương 98; cam kết kê khai chính xác, cung cấp đúng hồ sơ và sử dụng đúng mục đích.

Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, người khai hải quan nộp báo cáo tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm để được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng theo mã hàng 9834.12.90 trong năm tài chính cho cơ quan hải quan theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ.

b.8.2.2 - Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

b.8.2.2.1 - Khi tiếp nhận Danh mục:

- Ngay sau khi người khai hải quan nộp hồ sơ, Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục có trách nhiệm kiểm tra, lập phiếu theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hóa nhập khẩu và 01 bản phiếu theo dõi

trừ lùi (lưu 01 bản chính Danh mục, giao cho người khai hải quan 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính phiếu theo dõi trừ lùi để xuất trình cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa để thực hiện tính thuế và thực hiện trừ lùi khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa thực tế nhập khẩu) theo quy định.

- Trường hợp người khai hải quan cần thay đổi, bổ sung Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi thì Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục có trách nhiệm kiểm tra, lập phiếu theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hóa nhập khẩu cần thay đổi, bổ sung và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi cần thay đổi, bổ sung (lưu 01 bản chính Danh mục, giao người khai hải quan 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính phiếu theo dõi trừ lùi để xuất trình cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa để thực hiện khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa thực tế nhập khẩu) theo quy định.

- Trường hợp người khai hải quan mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi: trên cơ sở đề nghị của người khai hải quan và xác nhận của các Cục Hải quan địa phương khác, cơ quan hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục kiểm tra cụ thể và cấp lại Danh mục hàng hóa, Phiếu theo dõi trừ lùi các nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc mã hàng 9834.12.90 chưa nhập khẩu

b.8.2.2.2 - Khi làm thủ tục nhập khẩu:

Ngoài thủ tục hải quan theo quy định, cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, đối chiếu với phiếu theo dõi trừ lùi để trừ lùi các nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc mã hàng 9834.12.90 mà người khai hải quan đã thực tế nhập khẩu và ký xác nhận theo quy định. Lưu 01 bản chụp Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi đã thực hiện trừ lùi vào hồ sơ hải quan.

Hết lượng hàng hóa nhập khẩu ghi trong phiếu theo dõi trừ lùi, Lãnh đạo Chi cục hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng xác nhận "đã nhập hết hàng hóa theo danh mục số ..." lên bản chính phiếu theo dõi trừ lùi của người khai hải quan và lưu 01 bản chụp, cấp cho người khai hải quan 01 bản chụp và gửi bản chính đến Chi cục hải quan nơi cấp phiếu theo dõi trừ lùi để thực hiện kiểm tra hàng hóa đã thông quan theo quy định.

Trường hợp Chi cục Hải quan tiếp nhận đăng ký danh mục đồng thời là Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa thì sau khi Lãnh đạo Chi cục đã xác nhận hết lượng hàng hóa nhập khẩu trong phiếu theo dõi trừ lùi, Chi cục lưu bản chính, cấp cho người khai hải quan 01 bản chụp, chuyển 01 bản chụp phiếu theo dõi trừ lùi kèm hồ sơ đăng ký danh mục để thực hiện kiểm tra hàng hóa đã thông quan theo quy định.

b.8.2.2.3 - Sau khi nhận được bản chính phiếu theo dõi trừ lùi do Chi cục hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng gửi đến, Chi cục Hải quan nơi đăng ký Danh mục và cấp phiếu theo dõi trừ lùi tập hợp toàn bộ hồ sơ đăng ký danh mục chuyển cho

Chi cục kiểm tra sau thông quan để làm cơ sở kiểm tra sau thông quan theo đúng quy định về quản lý rủi ro về việc sử dụng hàng hóa nhập khẩu đã được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng theo mã hàng 9834.12.90 theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ.

2. Trường hợp sử dụng sai mục đích phải áp dụng theo mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại mã hàng 7326.90.99 ghi tại 97 Chương tại thời điểm đăng ký Tờ khai hàng hóa nhập khẩu với cơ quan Hải quan.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Mục II - Danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại Chương 98

Sửa đổi, bổ sung mặt hàng nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ bằng sắt hoặt thép để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc phân nhóm 9834.12 tại Mục II - Danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại Chương 98 như sau:

Mã hàng			**Mô tả hàng hóa**	**Mã hàng tương ứng tại mục I phụ lục II**			**Thuế suất (%)**
9834			**Vật tư, linh kiện sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin**				
9834	11	00	- Bàn phím làm bằng cao su, khắc lase, phủ PU, nhiệt độ chịu đựng 150 độ C	4016	99	99	0
9834	***12***		***- Các sản phẩm khác bằng sắt hoặc thép:***				
9834	***12***	***10***	***- - Ốc vít bằng thép, INOX 304, ren tiêu chuẩn 1, mạ chống rỉ, đường kính dưới 1.4 mm***	***7318***	***15***	***00***	***0***
9834	***12***	***90***	***- - Nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm***	***7326***	***90***	***99***	***0***

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2015./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai